

## **CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC** **(Theo hệ thống tín chỉ)**

**Tên chương trình:** Đại học Ngữ văn

**Trình độ đào tạo:** Đại học

**Ngành đào tạo:** Ngữ văn

**Loại hình đào tạo:** Chính quy

*(Ban hành kèm theo quyết định số /QĐ- ĐHHD ngày / /2008  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)*

### **1. Mục tiêu đào tạo**

#### ***1.1. Mục tiêu chung***

Đào tạo cử nhân Ngữ văn có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt; có tri thức và năng lực làm công tác nghiên cứu Văn học, Ngôn ngữ và những lĩnh vực có liên quan đến văn học, ngôn ngữ (giảng dạy văn học, giảng dạy ngôn ngữ ở các bậc học, hoạt động trong lĩnh vực báo chí, biên tập xuất bản; theo dõi và quản lý hoạt động văn hoá, văn học, phát thanh truyền hình...).

#### ***1.2. Mục tiêu cụ thể***

1.2.1. Về kiến thức: Có tri thức cơ bản về văn học và ngôn ngữ để tham gia nghiên cứu những tác gia, tác phẩm, những hiện tượng văn học ở Việt Nam và trên thế giới, đồng thời có thể tham gia trực tiếp vào đời sống văn học đương đại: phê bình, thẩm định sáng tác văn học đương đại phục vụ cho các cơ quan báo chí, xuất bản; giới thiệu văn học đương đại Việt Nam ra nước ngoài.

1.2.2. Về năng lực: Sinh viên phải có được những khả năng tiếp cận, tập sự nghiên cứu giải quyết những vấn đề bằng lý luận và thực tiễn về văn học, ngôn ngữ học; có khả năng thẩm định giá trị của các tác phẩm văn chương, có những kỹ năng cơ bản về nghiên cứu và phê bình văn học; có được một số kỹ năng, thao tác làm việc ngôn ngữ học đối với những đối tượng hữu quan mà trong quá trình tác nghiệp (nghiên cứu, giảng dạy, biên tập, truyền thông...) cần phải xử lý.

1.2.3. Về thái độ: Sinh viên tốt nghiệp phải có phẩm chất chính trị, đạo đức, có lòng nhân hậu có ý thức phục vụ nhân dân, có ý thức bảo tồn và phát huy di sản văn học-văn hoá dân tộc, góp phần vào việc xây dựng một đời sống văn học lành

manh ngày càng phát triển, nâng cao đời sống tinh thần của người Việt Nam, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

1.2.4. Về sức khỏe: Có thể lực khỏe mạnh, tâm hồn trong sáng phong phú, có khả năng thích ứng làm việc trong mọi môi trường công tác

**2. Thời gian đào tạo:** 4 năm (48 tháng)

**3. Khối lượng kiến thức toàn khoá**

Khối lượng kiến thức toàn khoá: 120 tín chỉ (tc) chưa kể phần nội dung Giáo dục thể chất (75 tiết) và Giáo dục quốc phòng (165 tiết)

**4. Đối tượng tuyển sinh**

Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

**5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

Thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 (Quy chế 43) của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**6. Thang điểm:** Theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT.

**7. Nội dung chương trình**

**7. Nội dung chương trình**

<b>7.1. Kiến thức Giáo dục đại cương:</b>	<b>31 tc</b>
7.1.1. Lý luận chính trị	10 tc
7.1.2. Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	7 tc
7.1.3. Giáo dục thể chất	75 tiết
7.1.4. Giáo dục quốc phòng	165 tiết
7.1.5. Toán, tin, KHXH, CN, Môi trường	14 tc
+ <i>Bắt buộc</i>	10 tc
+ <i>Tự chọn</i>	4 tc
<b>7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>78 tc</b>
7.2.1. Kiến thức cơ sở của khối ngành và của ngành	16 tc
+ <i>Bắt buộc</i>	12 tc
+ <i>Tự chọn</i>	4 tc
<b>7.2.2. Kiến thức ngành</b>	<b>62 tc</b>
+ <i>Bắt buộc</i>	58 tc
+ <i>Tự chọn</i>	4 tc
<b>7.3. Thực tập TN</b>	<b>5 tc</b>
<b>7.4. Khoá luận TN/HP thay thế KLTN</b>	<b>6 tc</b>

## 8. Kế hoạch dạy học

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ				Điều kiện tiên quyết	Học kì	Đơn vị giảng dạy
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học			
<b>A</b>	<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG</b>		<b>31</b>							
<b>I</b>	<b>Lý luận chính trị</b>		<b>10</b>							
1	1.NLMO.D0.5	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lê-nin	5	53	44		225	1	LLCT	
2	1.HCM0.D0.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	21	18		90	1	2	LLCT
3	1.CMV0.D0.3	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản VN	3	32	26		135	2	3	LLCT
<b>II</b>	<b>Ngoại ngữ</b>		<b>7</b>							
4	1.NNA 1.D0.4	Tiếng Anh 1	4	36	48		180		3	Ngoại ngữ
5	1.NNA2.D0.3	Tiếng Anh 2	3	27	36		135	4	4	Ngoại ngữ
<b>III</b>	<b>Giáo dục thể chất</b>									
6	1.GDT1.D0.5	Giáo dục thể chất	75 t						1,2,3	GDTC
<b>IV</b>	<b>Giáo dục QP</b>									
7	1.GDQ1.D0.2	Giáo dục quốc phòng	165t						1,3	TTGDQP
<b>V</b>	<b>Toán, tin, KHXH, CN, Môi trường</b>		<b>14</b>							
8	1.PPL0.D0.2	P.pháp nghiên cứu KH	2	18	24		90		3	BM NN&PP
9	1.THC0.D0.2	Tin học	2	18	24		90		1	KTCN
10	1.MTN0.D0.2	Môi trường và con người	2	18	24		60		1	BM Địa lý
11	1.TKX0.D0.2	Thống kê xã hội	2	18	24		90		1	BM Địa lý
12	1.PLĐ0.D0.2	Pháp luật đại cương	2	18	24		90	1	2	LLCT
Từ	<i>HP tự chọn (2/5 HP)</i>		<b>4/10</b>							
13	1.TPĐ0.D0.2	Lịch sử tư tưởng phương Đông và VN	2	18	24		90	1	2	Bộ môn Lịch sử
14	1.TCT0.D0.2	Thể chế chính trị thế giới hiện đại	2	18	24		90	1	2	Bộ môn Lịch sử
	1.LTH0.D0.2	Kinh tế học phát triển	2	18	24		90		2	Bộ môn Lịch sử
	1.ĐPT0.D0.2	Kiến thức địa phương Thanh Hoá	2	18	24		90		2	BM LS, ĐL, NN VHVN, VHNN
	1.TLH0.D0.2	Tâm lý học đại cương	2	18	24		90		2	TL -GD

<b>B</b>	<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP</b>		<b>78</b>							
<b>I</b>	<b>Kiến thức cơ sở của khối ngành và của ngành</b>		<b>16</b>							
15	1.LGH0.N1.2	Lôgic học đại cương	2	18	24		90	1	3	BM LLVH & VHNN
16	1.XHH0.N1.2	Xã hội học đại cương	2	18	24		90	1	2	BM VHVN
17	1.CSV0.N1.2	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	18	24		90		1	BM VHVN
18	1.HVC0.N1.2	Hán văn cơ sở	2	18	24		90		5	BM VHVN
19	1.CN0.N1.2	Chữ Nôm	2	18	24		90		6	BM VHVN
20	1. THV.N1.2	Thực hành văn bản tiếng Việt	2	18	24		90		1	Bộ môn NN&PP
Từ	<i>Các HP tự chọn (2/4 HP)</i>		<b>4/8</b>							
21 đến 22	1.MYH0.D0.2	Mỹ học đại cương	2	18	24		90	1	2	BM LLVH & VHNN
	1.KGT0.D0.2	Nhập môn KH giao tiếp	2	18	24		90		2	BM VHVN
	1.DTH0.D0.2	Dân tộc học đại cương	2	18	24		90		2	BM Lịch sử
	1.KVH0.D0.2	Nhập môn khu vực học	2	18	24		90	1	2	BM Địa lý
<b>II</b>	<b>Kiến thức ngành</b>		<b>62</b>							
23	1.LLV0.N1.2	Nguyên lý lý luận văn học	3	27	36		135		3	BM LLVH & VHNN
24	1.TPV0.N1.3	Tác phẩm văn học và Loại thể văn học	3	27	36		135	23	4	BM LLVH & VHNN
25	1.TTV0.N1.2	Tiến trình văn học	2	18	24		90	24	5	BM LLVH & VHNN
26	1.VDG0.N1.3	Văn học dân gian VN và thực tế sưu tầm nghiên cứu VHDG	3	18	24	30	135		2	Bộ môn VHVN
27	1.VHV1.N1.3	Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến giữa thế kỷ XVIII	3	27	36		120	26	3	Bộ môn VHVN
28	1.VHV2.N1.3	VHVN nửa cuối thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX	3	27	36		120	27	4	Bộ môn VHVN
29	1.VHV3.N1.4	VHVN từ đầu thế kỷ XX đến 1945	4	36	48		180	28	5	Bộ môn VHVN
30	1.VHV4.N1.3	Văn học Việt Nam từ 1945 đến 1975	3	27	36		135	29	6	Bộ môn VHVN
31	1.VHV5.N1.2	Văn học Việt Nam sau 1975	2	18	24		90	30	7	Bộ môn VHVN
32	1.VHQ0.N1.3	Văn học Trung Quốc	3	27	36		135		4	BM LLVH & VHNN
33	1.ANĐ0.N1.3	Văn học Ấn Độ, Nhật Bản, Đông Nam Á	3	27	36		135		5	BM LLVH & VHNN
34	1.VHT0.N1.4	Văn học phương Tây	3	27	36		135		6	BM LLVH & VHNN
35	1.VHN0.N1.2	Văn học Nga	2	18	24		90		7	BM LLVH & VHNN
36	1.ĐCN0.N1.2	Đại cương về ngôn ngữ học	2	18	24		90		4	BM NN & PP
37	1.NAH0.N1.2	Ngữ âm học tiếng Việt	2	18	24		90	36	5	BM NN & PP

38	1. TVN0.N1.2	Từ vựng học và ngữ nghĩa học tiếng Việt	3	27	36		135	37	6	Bộ môn NN &PP
39	1. NPV0.N1.3	Ngữ pháp học tiếng Việt	3	27	36		135	38	6	Bộ môn NN &PP
40	1.PCH 0.N1.2	Phong cách học tiếng Việt	2	18	24		90	39	6	Bộ môn NN & PP
41	1.PNH0.N1.3	Phương ngữ học tiếng Việt và thực tế nghiên cứu ngôn ngữ	3	18	24	30	135	40	7	Bộ môn NN &PP
42	1.NDH0.N1.2	Ngữ dụng học	2	18	24		90	41	7	BM NN &PP
43	1.NNT0.N1.2	Các ngôn ngữ dân tộc thiểu số ở Việt Nam	2	18	24		90	43	7	Bộ môn NN &PP
44	1.LTV0.N1.2	Lý thuyết văn bản	2	18	24		90	39	7	Bộ môn NN &PP
Từ 45 đến 46	<i>Các HP tự chọn (2/ 6 HP)</i>		<b>4/12</b>							
	1.NGV0.N1.2	Nho giáo và VH dân tộc	2	18	24		90	27	8	BM VHVN
	1. TNV0.N1.2	Truyện ngắn Việt Nam hiện đại	2	18	24		90	31	8	Bộ môn VHVN
	1. TPT0.N1.2	Thi pháp thơ Đường	2	18	24		90	32	8	BM LLVH & VHNN
	1.CNV0.N1.2	Chủ nghĩa nhân văn trong VH phương Tây thời Phục hưng	2	18	24		90	34	8	Bộ môn LLVH&VH NN
	1.LST0.N1.2	Lịch sử tiếng Việt	2	18	24		90	40	8	Bộ môn NN &PP
	1.PNT0.N1.2	Phương ngữ Thanh Hoá	2	18	24		90	41	8	Bộ môn NN &PP
<b>III</b>	<b>Thực tập, khoá luận tốt nghiệp</b>		<b>11</b>							
47	1.TTN 0.N1.5	Thực tập tốt nghiệp	5						8	KHXH
48	1.KLN0.N1.6	Khoá luận tốt nghiệp	6						8	KHXH
	<b>Các học phần thay thế KL tốt nghiệp</b>		<b>6</b>							
	1.DGV0.N1.3	Mối quan hệ giữa Văn học dân gian và VH viết	3	27	36		135		8	Bộ môn VHVN
	1.TNH0.N1.3	Thành ngữ học và thành ngữ tiếng Việt	3	27	36		135		8	Bộ môn NN &PP
		<b>Tổng</b>	<b>120</b>	<b>1195</b>	<b>1540</b>	<b>60</b>				

## **9. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần**

### **9.1. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lê-Nin/Basic Principles of Lenin – Maxism 5 tc (53,44,0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Nội dung ban hành tại Công văn số 2488/BGD&ĐT, ngày 25/3/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### **9.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh/HoChiMinh's Ideology 2tc (18,24,0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lê - Nin

Nội dung ban hành tại Công văn số 2488/BGD&ĐT, ngày 25/3/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### **9.3. Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam/Vietnamese Revolution Policies 3tc (32,26,0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Tư tưởng Hồ Chí Minh

Nội dung ban hành tại Công văn số 2488/BGD&ĐT, ngày 25/3/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### **9.4-9.5. Tiếng Anh 1,2/English 1,2 7tc (63,84,0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản học theo giáo trình Liefelines; trong học phần này sinh viên sẽ được rèn luyện cả 4 kỹ năng (nghe, nói, đọc, viết), trong đó đặc biệt chú trọng đến kỹ năng đọc hiểu để phục vụ việc đọc tài liệu.

### **9.6. Giáo dục thể chất/Physycal Education 75 tiết**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Nội dung thực hiện theo Quyết định số 3244/QĐ-BGDĐT ngày 29/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### **9.7. Giáo dục quốc phòng/Military Education 165 tiết**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Nội dung thực hiện theo Quyết định số 81/2007/QĐ- BGD&ĐT, ngày 24/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành chương trình giáo dục quốc phòng-an ninh trình độ đại học, cao đẳng.

### **9.8. Phương pháp nghiên cứu khoa học/Methodology of scientific Research 2tc (18,24,0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khoa học và nghiên cứu khoa học, về bản chất nghiên cứu của khoa học cũng như cấu trúc của một công trình nghiên cứu khoa học.

Học phần cũng giúp cho học sinh nắm được các thao tác nghiên cứu khoa học, biết xây dựng, chứng minh và trình bày các luận điểm khoa học. Qua đó sinh

viên có thể nắm được phương pháp trình bày một báo cáo khoa học, viết được một công trình khoa học và bước đầu biết vận dụng kỹ năng nghiên cứu khoa học vào việc học tập ở đại học.

### **9.9. Tin học/ Informatics**

**2 tc (10,0,40)**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Học phần trang bị cho sinh viên các khái niệm cơ bản về xử lý thông tin và máy tính điện tử; đồng thời cũng giúp SV nắm vững các thao tác truy cập Internet, các kỹ năng sử dụng hệ điều hành để thao tác trên máy tính điện tử, khai thác một số phần mềm, soạn thảo và lưu trữ các văn bản phục vụ công tác văn phòng, sử dụng hệ quản trị cơ sở dữ liệu để tính toán khoa học và giải quyết các vấn đề chuyên môn nghiệp vụ.

### **9.10. Môi trường và con người/Environment and human**

**2 tc (18,24,0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Cung cấp các kiến thức cơ bản về môi trường, các chức năng và thành phần của môi trường và các nguyên lý chủ yếu về sinh thái - môi trường.

Học phần cũng đề cập một cách hệ thống hiện trạng về dân số và mối quan hệ hữu cơ giữa dân số với tài nguyên thiên nhiên, nhu cầu về lương thực, thực phẩm và ô nhiễm môi trường; hiện trạng môi trường ở Việt Nam.

Học phần còn trang bị cho sinh viên các nguyên tắc, công cụ để quản lý môi trường, kỹ năng xác lập chương trình hành động trong bảo vệ tài nguyên môi trường.

### **9.11. Thống kê xã hội/ Social Statistics**

**2 tc (18,24,0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Cung cấp cho sinh viên những khái niệm và kiến thức cơ bản về thống kê, cụ thể là về điều tra thống kê, về độ tin cậy của một cuộc điều tra thống kê, về cách so sánh độ tương hợp của các kết quả thống kê, về sự tương quan giữa các yếu tố cùng ảnh hưởng tới một sự kiện, về cách kiểm tra những giả thuyết trong nghiên cứu khoa học.

### **9. 12. Pháp luật đại cương/ General Laws**

**2 tc (18,24,0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lê - Nin  
Thực hiện theo chỉ thị số 45/2007/CT-BGDĐT, ngày 17/8/2007 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong ngành Giáo dục.

**Từ 9. 13 đến 9.14: Các HP tự chọn, chọn 2 trên tổng số 5 HP**

### **a. Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam/ Hisory of Oriental Thought and Vietnamese**

**2tc(18,24,0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lê - Nin  
- Lịch sử tư tưởng Phương Đông: Giới thiệu khái quát tiến trình lịch sử xã hội, lịch sử tư tưởng Trung Quốc, Ấn Độ từ cổ đại đến hiện đại; sự xuất hiện và ảnh hưởng của các tôn giáo, các học thuyết, các hệ tư tưởng đối với đời sống xã hội

Trung Quốc, Ấn Độ qua các thời kỳ; giới thiệu tình hình bán đảo Ả Rập trước thế kỷ VII, sự ra đời, phát triển, giáo lý cơ bản của Hồi giáo; ảnh hưởng của các tôn giáo, các học thuyết, các hệ tư tưởng Trung Quốc, Ấn Độ, Ả Rập đối với các nước trong khu vực và trên thế giới.

- Lịch sử tư tưởng Việt Nam: Giới thiệu khái quát tiến trình lịch sử xã hội, quá trình phát triển tư tưởng Việt Nam từ thời kỳ Hùng Vương dựng nước đến thời đại Hồ Chí Minh; chủ nghĩa yêu nước; sự ảnh hưởng của hệ tư tưởng Nho – Phật - Đạo trong thời cổ trung đại, sự ảnh hưởng của các luồng tư tưởng Phương Tây, tư tưởng cách mạng và cải lương tư sản, tư tưởng cách mạng vô sản và cách mạng xã hội chủ nghĩa trong thời hiện đại; vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam.

**b. Thể chế chính trị thế giới hiện đại/Political Institutions of the Modern World** **2tc (18,24,0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lê - Nin  
Cung cấp những khái niệm cơ bản về thể chế chính trị thế giới; cơ sở hình thành, bản chất, cấu trúc và các loại hình thể chế chính trị thế giới.

Trên cơ sở đó, sinh viên sẽ nâng cao trình độ tư duy biện chứng, phân tích, tổng hợp và liên hệ với đời sống chính trị thực tế.

**c. Kinh tế học phát triển/Development Economics** **2tc (18,24,0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lê - Nin  
Cung cấp những kiến thức cơ bản về kinh tế học vĩ mô và kinh tế học vi mô: cơ chế hoạt động của nền kinh tế thị trường và vai trò chi phối của chính phủ vào nền kinh tế; các vấn đề liên quan tới sự lựa chọn của người tiêu dùng và hoạt động của các nhà sản xuất; những điều kiện cân đối tổng thể của nền kinh tế, vai trò của các hoạt động đầu tư, tiết kiệm, chi tiêu của chính phủ và ngoại thương, đặc biệt là các chính sách tài chính, tiền tệ tác động đến phát triển kinh tế; các hiện tượng kinh tế.

Trên cơ sở đó, sinh viên được nâng cao trình độ tư duy, phân tích, đánh giá và vận dụng những nguyên lý chung và điều kiện phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam.

**d. Kiến thức địa phương Thanh Hoá/Local knowledge of Thanh Hoa** **2tc (18,24,0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Học phân cung cấp những kiến thức cơ bản về lý thuyết và phương pháp tiếp cận nghiên cứu khu vực và địa phương; cung cấp một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản về địa phương Thanh Hoá trên các phương diện: địa lý, lịch sử, kinh tế, văn hoá.



Học phần cũng trang bị phương pháp tiếp cận và những thao tác của nghiên cứu địa phương để ứng dụng vào thực tiễn phục vụ các chương trình phát triển cũng như tổ chức các đề tài và chương trình nghiên cứu về Thanh Hoá và khu vực.

**e. Tâm lý học đại cương/General Psychology 2tc (18,24,0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Cung cấp cho SV hệ thống tri thức khoa học cơ bản, hiện đại về tâm lý học. Xây dựng cho SV quan điểm duy vật biện chứng về sự phát triển tâm lý người, các quy luật đời sống con người trưởng thành, tạo điều kiện cho người học nghiên cứu tâm lý người một cách đúng đắn

**9.15. Logic học đại cương/General Logic/ 2tc (18,24,0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lê - Nin

Cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản của logic học hình thức, mối liên hệ hữu cơ giữa logic học và triết học, các phương pháp nghiên cứu đặc thù của logic học, hình thức, các quy luật logic cơ bản và vai trò, ý nghĩa quan trọng của logic học trong việc hình thành, rèn luyện thói quen tư duy logic chặt chẽ, trình bày các vấn đề một cách khoa học.

Học phần cũng trang bị những kiến thức về nguồn gốc, bản chất, đặc điểm và quan hệ của các khái niệm phán đoán, suy luận, chứng minh logic thường dùng, từ đó vận dụng các quy luật logic trong tư duy, tránh sai lầm thường gặp trong suy nghĩ và trình bày vấn đề.

**9.16. Xã hội học đại cương/ General Sociology 2tc (18,24,0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lê - Nin

Học phần cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản về xã hội học, bao gồm: Đối tượng, chức năng của xã hội học, lịch sử hình thành và phát triển của xã hội học, cấu trúc của môn xã hội học: Lý thuyết và thực hành, hệ thống các khái niệm và nguyên lý cơ bản của xã hội học; một số phương pháp nghiên cứu cơ bản của xã hội học; quan hệ giữa xã hội học và công tác xã hội

**9.17. Cơ sở văn hoá Việt Nam/Basics of Vietnamese Culture**

**2tc (18,24,0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Học phần cung cấp cho sinh viên những khái niệm chung về văn hoá học và văn hoá Việt Nam, những kiến thức cơ bản làm nền cho việc tiếp nhận những tri thức liên quan đến văn hoá Việt Nam; nắm vững những vấn đề mấu chốt liên quan đến tiến trình văn hoá Việt Nam từ cội nguồn cho đến hiện đại, qua đó nhận thức rõ bản sắc văn hoá dân tộc, bản lĩnh của dân tộc, tin tưởng vào sự phát triển và sự trường tồn của văn hoá Việt Nam.

Học phần cũng cung cấp cho sinh viên những kỹ năng, phương pháp tiếp cận tìm hiểu và nghiên cứu những vấn đề của văn hoá Việt Nam.

**9.18. Hán văn cơ sở/Basic Chinese**

**2tc (18,24,0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về Hán văn, bao gồm những nguyên tắc cấu tạo văn tự biểu ý của người Hán, các quy tắc cú pháp, các hư từ quan trọng và vốn chữ Hán thường dùng

Học phần cũng trang bị cho sinh viên những khái niệm chung, nhưng tri thức thông thường về thể loại Hán văn Việt Nam và những tri thức văn hoá có liên quan để có thể lý giải được những văn bản Hán văn đơn giản

**9.19. Chữ nôm/Vietnamese Classical Character Nom 2tc (18,24,0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Cung cấp những kiến thức cơ bản về một nền văn tự cổ Việt Nam đã từng được sử dụng để ghi chép về văn hoá và văn chương Việt Nam trong suốt 800 năm lịch sử: điều kiện ra đời và phát triển của chữ Nôm, đặc điểm loại hình văn tự khối vuông hiểu ý, tính chất ghi âm đặc biệt của chữ Nôm, cấu trúc chữ Nôm và cách đọc.

Học phần cũng trang bị cho sinh viên kỹ năng phân biệt các cách đọc âm khác nhau trong chữ Nôm (Tiền Hán Việt, Hán Việt, Hán Việt Việt hoá, đọc chỉnh âm). kỹ năng phân tích các kiểu mô thức cấu trúc của chữ Nôm...) để vận dụng đọc các loại văn bản chữ Nôm.

**9.20. Thực hành văn bản tiếng Việt/Vietnamese language of Scientific Text in Practice 2tc (18,24,0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Cung cấp những kiến thức tổng quát và kỹ năng thực hành ngôn ngữ văn bản (chủ yếu là văn bản khoa học) tiếng Việt. Ngoài việc nâng cao nhận thức về thực hành văn bản trên hai phương diện tiếp nhận và tạo lập, học phần còn giúp người học nắm bắt được những kỹ năng quan trọng trong việc phân tích và tạo lập các loại văn bản khoa học tiếng Việt.

**Từ 9. 21 đến 9.22: Các HP tự chọn, chọn 2 trên tổng số 5 HP**

**a. Mỹ học đại cương/ General Aesthetics 2tc (18,24,0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lê - Nin

Học phần nghiên cứu đối tượng của Mỹ học, từ đó làm sáng rõ các phương diện: quan hệ thẩm mỹ với các bộ phận và tính chất của nó; chủ thể thẩm mỹ và các hình thức tồn tại, ý thức thẩm mỹ; khách thể thẩm mỹ với những khái niệm cơ bản: cái đẹp, cái cao cả, cái bi, cái hài; nghệ thuật với các loại hình cơ bản; nghệ sĩ với những tư chất đặc biệt; bản chất của giáo dục thẩm mỹ và các loại hình thức giáo dục thẩm mỹ.

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về mỹ học từ lập trường mác xít. Trên cơ sở đó giúp sinh viên biết cách sống và sáng tạo theo quy luật của cái đẹp, biết phân biệt các loại hình nghệ thuật, biết cách phân tích và đánh giá một tác

phẩm nghệ thuật, xác định cho mình một lý tưởng thẩm mỹ tiên tiến, một thị hiếu thẩm mỹ lành mạnh.

**b. Nhập môn khoa học giao tiếp/Introduction to Science of communication 2tc (18,24,0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về truyền thông và giao tiếp; bao gồm các nội dung: quá trình giao tiếp, các thành tố của quá trình giao tiếp, yếu tố văn hoá trong giao tiếp, đặc điểm giao tiếp, các kỹ năng của giao tiếp, phong cách giao tiếp và những vấn đề có liên quan đến đặc điểm văn hoá giao tiếp của các cộng đồng quốc gia, dân tộc.

**c. Dân tộc học đại cương/General Ethnology 2tc (18,24,0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Cung cấp những kiến thức cơ bản về dân tộc học; lịch sử phát triển của dân tộc học thế giới, các trường phái trong dân tộc học và lịch sử phát triển của dân tộc Việt nam; về cộng đồng các dân tộc ở Việt nam: đặc điểm, sự phân bố và đặc trưng văn hoá của các tộc người ở Việt Nam (vùng, nhóm ngôn ngữ, tộc người), tính thống nhất và đa dạng của văn hoá tộc người Việt Nam, nguyên tắc cơ bản trong chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta; vị trí của vấn đề dân tộc trong tiến trình lịch sử và trong thời đại công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Học phân cũng trang bị những nguyên tắc cơ bản của phương pháp và thao tác trong nghiên cứu dân tộc học; vận dụng vào việc tiếp cận các vấn đề văn hoá và văn hoá tộc người

**d. Nhập môn khu vực học/Introduction to area Studies 2tc (18,24,0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Cung cấp những kiến thức về nhập môn lý thuyết khu vực học hiện đang được áp dụng rộng rãi trong các lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn: lịch sử hình thành và phát triển của khu vực học với tư cách một khoa học liên ngành, những khái niệm cơ bản; vai trò của khu vực học trong xu thế phát triển của khoa học hiện nay; đối tượng của khu vực học; giới hạn phạm vi nghiên cứu.

Học phân cũng trang bị phương pháp tiếp cận và những thao tác của nghiên cứu khu vực để ứng dụng vào thực tiễn phục vụ các chương trình phát triển cũng như tổ chức các đề tài và chương trình nghiên cứu liên ngành.

**9.23. Nguyên lý lý luận văn học/Theory of Literature 3tc (27,36,0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn học (mối quan hệ giữa nghệ thuật và đời sống xã hội, đặc trưng của văn học, các chức năng và tính khuynh hướng của văn học, quá trình sáng tạo của nhà văn và quá trình tiếp nhận tác phẩm văn học), giúp sinh viên hiểu được những nguyên lý tổng quát và nội hàm các khái niệm của lý luận văn học (tư duy nghệ thuật, hình tượng nghệ thuật, điển hình

hoá...). Đồng thời học phần cũng góp phần rèn luyện kỹ năng phát hiện các vấn đề trong đời sống văn học, đánh giá đúng các hiện tượng văn chương.

#### **9.24. Tác phẩm văn học và Loại thể văn học/Work & Literature Genre** **3 tc (27,36,0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Nguyên lý lý luận văn học

Cung cấp những kiến thức lý luận về ba phương thức biểu đạt chính của văn học (tự sự, trữ tình, kịch), nguồn gốc, quá trình hình thành các thể loại văn học, những quan niệm về thể loại qua những thời đại lịch sử khác nhau. Đồng thời học phần còn cung cấp những kiến thức chuyên sâu về tác phẩm văn học với tư cách là một chỉnh thể thẩm mỹ với các thành tố cấu thành cơ bản như chủ đề, đề tài, giọng điệu trong thơ trữ tình, vấn đề nhân vật, tính cách, kết cấu, cốt truyện trong tác phẩm tự sự. Những kiến thức lý luận nói trên là chìa khoá để sinh viên có thể phân tích, giải mã tác phẩm đúng.

#### **9.25. Tiến trình văn học/ Process of Literature** **2 tc (18,24,0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Tác phẩm văn học và Loại thể văn học

Cung cấp các kiến thức, khái niệm, phạm trù về tiến trình văn học làm cơ sở tìm hiểu sự vận động, giao lưu, biến đổi của văn học trong quá trình lịch sử.

Học phần cũng giúp hình thành kỹ năng nhìn nhận văn học trong sự vận động và liên hệ lẫn nhau, bước đầu biết liên hệ, phân tích các mối quan hệ văn học trong tiến trình lịch sử.

#### **9.26. Văn học dân gian Việt Nam và thực tế sưu tầm, nghiên cứu VHDG/Vietnamese Folk literature angh collectng reserch reatily** **3tc(18,24,30)**

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức khái quát nhất về khoa học nghiên cứu văn học - văn hoá dân gian (đối tượng nghiên cứu, những lĩnh vực nghiên cứu, phân loại văn học dân gian trên thế giới...). Trên cơ sở đó đi sâu vào thực tế văn học dân gian Việt Nam (các vùng và các thời kỳ phát triển của văn học dân gian Việt Nam, các thể loại nòng cốt trong tiến trình văn học dân gian Việt Nam...

Học phần cũng trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản về thao tác thực tế điền dã, sưu tầm, phân tích trực tiếp các tác phẩm văn học dân gian, khả năng nhận thức giá trị phản ánh, giá trị thẩm mỹ và quá trình lịch sử văn học dân gian; đồng thời góp phần rèn luyện cho sinh viên có ý thức và có khả năng nghiên cứu bảo tồn di sản văn học dân tộc. Những kiến thức lý luận nói trên là chìa khoá để sinh viên có thể thực hành điền dã sưu tầm nghiên cứu VHDG tại một địa phương.

#### **9.27. Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến giữa thế kỷ XVIII/Vietnamese literature from the 10<sup>th</sup> to the middle 15<sup>th</sup> cetury** **3tc (27,36,0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Văn học dân gian Việt Nam

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về văn học Việt Nam trong những thế kỷ khởi đầu dưới ba triều đại Lý, Trần, Lê và ba thời kỳ phát triển chính: thế kỷ X -XIV thế kỷ XV và thế kỷ XVI - giữa thế kỷ XVIII, bao gồm quá trình hình thành

và những đặc điểm của từng thời kỳ, những ảnh hưởng Phật giáo dưới triều Lý, Trần và ảnh hưởng của Nho giáo dưới triều Lê; sự ra đời và phát triển của văn học viết bằng chữ Nôm; những tác gia tiêu biểu thời Lý, Trần: Nguyễn Trãi, nhóm Tao đàn, Nguyễn Bỉnh khiêm, Nguyễn Dữ..

Cùng với những kiến thức về văn học sử, sinh viên còn được trang bị những phương pháp, kỹ năng, thao tác cơ bản khi tiếp cận một hiện tượng của nền văn học dân tộc thời kỳ trung đại

**9.28. Văn học Việt Nam từ nửa cuối thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX/  
Vietnamese from the later 18<sup>th</sup> to the 19<sup>th</sup> 3tc (27,36,0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến giữa thế kỷ XVIII

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về văn học Việt Nam từ nửa cuối thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX với hai thời kỳ phát triển chính: từ giữa thế kỷ XVIII đến nửa đầu thế kỷ XIX và từ giữa đến cuối thế kỷ XIX. Bao gồm những thành tựu rực rỡ của văn học viết bằng chữ Nôm, của những thể loại (truyện thơ, ngâm khúc, hát nói) mang nội dung nhân đạo chủ nghĩa, những tác gia lớn (Đặng Trần Côn, Nguyễn Gia Thiều, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát...); sự khủng hoảng của văn học nhà Nho và sự xuất hiện những dấu hiệu tiên báo quá trình hiện đại hoá ở nửa sau thế kỷ XIX khi có cuộc xâm lược của thực dân Pháp; đặc điểm sáng tác của những tác giả tiêu biểu : Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Khuyến, Trần Tế Xương.

**9.29. Văn học Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến 1945/ Vietnamese literature from the early 20<sup>th</sup> to 1945 4tc (36,48,0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Văn học VN từ nửa cuối thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX

Cung cấp những kiến thức nền tảng về diện mạo văn học sử, đặc điểm sáng tác của những tác giả lớn, những quy luật của tiến trình văn học trong ba thập niên đầu thế kỷ XX. Đây là thời kỳ diễn ra bước chuyển giao giữa hai thời đại lớn của văn học dân tộc với hai quá trình diễn ra đồng thời: sự phân rã của văn học truyền thống sau những nỗ lực cách tân bất thành (sáng tác của Phan Bội Châu, Tản Đà) và sự lớn mạnh từng bước chiếm lĩnh văn đàn của bộ phận văn học sáng tác theo mô hình văn học thế giới.

Cung cấp những kiến thức cơ bản về diện mạo văn học sử, đặc điểm sáng tác của những tác giả lớn, những quy luật của tiến trình văn học trong giai đoạn 1932 - 1945, với những hiện tượng văn học như Tự lực văn đoàn, phong trào Thơ mới, khuynh hướng hiện thực và sự lớn mạnh của văn học yêu nước vô sản ; với những tác gia tiêu biểu như Nhất Linh, Khái Hưng, Thạch Lam, Ngô Tất Tố, Nguyễn Công Hoan, Nam Cao, Vũ Trọng Phụng, Thế Lữ, Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên, Hàn Mặc Tử, Nguyễn Bính...

**9.30. Văn học Việt Nam từ 1945 đến 1975/Vietnamese Literature from 1945 to 1975** **3tc (27,36,0)**

*Điều kiện tiên quyết* Văn học Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến 1945

Cung cấp những kiến thức cơ bản về diện mạo văn học sử, đặc điểm sáng tác của những tác giả lớn, những quy luật của tiến trình văn học trong giai đoạn 1945 - 1975, khi văn học vận động dưới sự lãnh đạo và đường lối văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam; trong hoàn cảnh hai cuộc kháng chiến liên tiếp và kéo dài, những ảnh hưởng từ văn học Liên Xô (cũ), văn học Trung Quốc và văn học phương Tây đối với quá trình hiện đại hoá văn học Việt Nam

**9.31. Văn học Việt Nam sau 1975/Vietnamese literature after 1975**

**2tc (18,24,0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Văn học Việt Nam từ 1945 đến 1975

Cung cấp những kiến thức cơ bản về văn học Việt Nam sau 1975: những xu hướng phong cách, thể loại, những tác giả, tác phẩm tiêu biểu, những thành tựu và hạn chế của văn học Việt Nam trong quá trình đất nước hoà bình, thống nhất, những triển vọng phát triển.

**9.32. Văn học Trung Quốc/Chinese literature**

**3tc (27,36,0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Giới thiệu quá trình phát triển văn học Trung Quốc từ cổ đại đến hiện đại. Xác định địa vị, giá trị của các hiện tượng văn học (thể loại, tác giả, tác phẩm...) tiêu biểu qua các thời kỳ: văn học Tiên Tần, văn học Tần- Hán, văn học Ngụy Tấn Nam Bắc triều, văn học đời Đường, văn học Tống- Nguyên, văn học Minh- Thanh, văn học cận đại và hiện đại. Giới thiệu sơ bộ tình hình phát triển và một số hiện tượng đáng chú ý của văn học Trung Quốc đương đại (1949 đến nay).

**9.33. Văn học Ấn Độ, Nhật Bản, Đông Nam Á/Indian literature, Japanese literature, Southeast Asia literature** **3tc (27,36,0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

- Văn học Ấn Độ: Giới thiệu một số đặc điểm về văn hóa Ấn Độ; lược sử văn học Ấn Độ từ khởi thủy đến 1950; tìm hiểu những đóng góp nổi bật của nền văn học Ấn Độ cho văn hoá, văn học thế giới: sử thi Ấn Độ (*Ramayana và Mahabharata*), Rabindranath Tagore (1861 – 1941).

- Văn học Nhật Bản: Đại cương văn hoá Nhật Bản; lược sử văn học Nhật Bản từ khởi thủy đến 1868; những hiện tượng nổi bật: Masuô Bashô (1644- 1694) và thơ Haiku, Yasunari Kanoabata (1899 – 1972).

- Văn học Đông Nam Á: Giới thiệu khái quát chung về văn hoá Đông Nam Á, văn học dân gian Đông Nam Á, văn học viết Đông Nam Á; một số nền văn học tiêu biểu ở Đông Nam Á (Thái Lan, Indônêxia, Campuchia, Malaixia).

### **9.34. Văn học phương Tây/The Occidental literature** **3tc (27,36,0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Giới thiệu khái quát những đỉnh cao văn học với những nhà văn và tác phẩm tiêu biểu, những đóng góp về nội dung và nghệ thuật văn chương của nền văn học Hy Lạp cổ đại, của một số nước phương Tây thời đại Phục hưng và nước pháp thế kỷ XVII. Chú trọng các hiện tượng có ý nghĩa nổi bật: thần thoại Hy Lạp, anh hùng ca của Homere, tiểu thuyết của Xervantes, kịch của Shakespeare, và kịch của Molie.

Giới thiệu những đỉnh cao văn học, với những trào lưu, tác giả và tác phẩm tiêu biểu; những đóng góp về nội dung, nghệ thuật nổi bật của các nền văn học phương Tây thế kỷ XVIII và thế kỷ XIX: văn học Đức Thế kỷ XVIII với tác gia tiêu biểu Schiler và Mỹ với tác gia tiêu biểu Mark Twain.....

Giới thiệu những tác gia tiêu biểu thuộc các khuynh hướng, trường phái hiện đại của văn học phương Tây thế kỷ XX như: B.Shaw, Kafka, Brecht, Aragon, Ionesco, Hemingway...

### **9.35. Văn học Nga/ Russian literature** **2tc (18,24,0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

- Văn học Nga thế kỷ XIX: giới thiệu những thành tựu nổi bật, bước nhảy vọt kỳ diệu của một thời kỳ văn học đưa nước Nga trở thành “cường quốc văn chương” trong thế kỷ XIX; giới thiệu một số tác gia tiêu biểu: A.Puskin., Đôxtôiépki, L.Tônxtôi, A.Sêkhốp.

- Văn học Nga thế kỷ XX: Cách mạng tháng Mười mở ra trang mới cho văn học Nga thế kỷ XX; sự xuất hiện qua nhiều giai đoạn lịch sử những nhà văn tiêu biểu của nước Nga và của nhân loại; phương pháp sáng tác mới (hiện thực xã hội chủ nghĩa) tồn tại trong nhiều thập kỷ; giới thiệu một số tác gia tiêu biểu: M. Gorki, M. Êxênhin, M. Sôlôkhốp...

### **9.36. Đại cương về ngôn ngữ học/ Genera I Linguistics** **2tc (18,24,0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Cung cấp cho sinh viên những tri thức căn bản về bản chất, chức năng, bản thể của ngôn ngữ, nguồn gốc của ngôn ngữ, mối quan hệ của ngôn ngữ - tư duy, về hệ thống và các cấp độ, đơn vị của ngôn ngữ; những tri thức căn bản, mở đầu về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, ngữ nghĩa của ngôn ngữ và trong một chừng mức nhất định, một số vấn đề về ngữ dụng.

Học phần cũng trang bị những thao tác làm việc cần thiết để sinh viên nhận thức được rõ hơn, thực hành tốt hơn về những vấn đề nói trên.

### **9.37. Ngữ âm học tiếng Việt/Vietnamese Phonetics** **2tc (18,24,0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Đại cương về ngôn ngữ học

Cung cấp cho sinh viên những tri thức căn bản của ngữ âm tiếng Việt: hệ thống ngữ âm của tiếng Việt, cấu trúc âm tiết, các tiểu hệ thống âm vị, các giải pháp âm vị học cho những vấn đề hữu quan.

Luyện cho sinh viên các thao tác phân tích, nghiên cứu, xử lý các vấn đề của thực tiễn ngữ âm tiếng Việt.

### **9.38. Từ vựng học và ngữ nghĩa học tiếng Việt/Vietnamese Lexicology & Semantics** **3tc (27,36,0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Ngữ âm học tiếng Việt

#### **b. Từ vựng học tiếng Việt/Vietnamese Lexicology**

Cung cấp những kiến thức căn bản của từ và từ vựng tiếng Việt như: từ và cấu tạo từ, nghĩa của từ, các quan hệ ngữ nghĩa trong từ và trong từ vựng, phương pháp phân tích nghĩa của từ, các lớp từ, sự hình thành và phát triển của từ vựng tiếng Việt.

Huấn luyện cho sinh viên các thao tác áp dụng từ nghiên cứu lý thuyết vào việc phân tích xử lý các vấn đề cụ thể của từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt

#### **b. Ngữ nghĩa học tiếng Việt/Vietnamese Semantics**

Cung cấp những tri thức căn bản về quá trình phát triển và những khái niệm cơ sở của ngữ nghĩa học, bước đầu giới thiệu một số phương pháp trong nghiên cứu và phân tích ngữ nghĩa, đặc biệt chú ý giới thiệu những vấn đề về lý thuyết và phương pháp mới của ngữ nghĩa học hiện đại.

Huấn luyện cho sinh viên những thủ pháp và thao tác ứng dụng vào phân tích ngữ nghĩa trong tiếng Việt

### **9.39. Ngữ pháp học tiếng Việt/Vietnamese grammar** **3tc (27,36,0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Từ vựng và Ngữ nghĩa học tiếng Việt

#### **a. Từ pháp học tiếng Việt**

Cung cấp những tri thức căn bản về từ pháp học tiếng Việt như : từ loại và hệ thống từ loại, hệ thống các tiểu loại từ, cấu trúc và chức năng các loại đoản ngữ như danh ngữ, động ngữ...

Huấn luyện những thao tác xử lý cụ thể trong lý luận cũng như thực tiễn nghiên cứu từ pháp học tiếng Việt

#### **b. Cú pháp học tiếng Việt**

Cung cấp cho sinh viên những tri thức căn bản về cú pháp tiếng Việt như: câu của tiếng Việt, các kiểu loại câu được phân loại, miêu tả theo những tiêu chí khác nhau và theo những hệ thống ngữ pháp khác nhau, những lý luận và phương pháp phân tích, miêu tả câu... Bên cạnh đó, cũng huấn luyện cho sinh viên phương pháp và thao tác phân tích câu, miêu tả hệ thống cú pháp tiếng Việt.

### **9.40. Lý thuyết văn bản/ Text Theory** **2tc (18,24,0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Ngữ pháp học tiếng Việt



Cung cấp những tri thức căn bản về ngôn ngữ học và văn bản như: giao tiếp và văn bản, đoạn văn và phát ngôn, hệ thống liên kết văn bản

Học phân cũng huấn luyện cho sinh viên những phương pháp, thao tác vận dụng các vấn đề lý thuyết đó vào thực tiễn phân tích và tạo lập văn bản, vận dụng vào ngữ dụng học, phong cách học.

#### **9.41. Phong cách học tiếng Việt/Vietnamese rhetoric 2tc (18,24,0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Lý thuyết văn bản

Cung cấp cho sinh viên những tri thức căn bản về phong cách học tiếng Việt như: khái niệm và cơ sở phân chia các phong cách chức năng, các phương tiện và thủ pháp phong cách học của tiếng Việt, nét đặc trưng của các phong cách chức năng tiếng Việt.

Học phân huấn luyện cho sinh viên những phương pháp, thao tác cụ thể trong thực hành nghiên cứu phong cách học tiếng Việt tiếng Việt.

#### **9.42. Phương ngữ học tiếng Việt và thực tế nghiên cứu ngôn ngữ/Vietnamese dialect and collecting research reality 3tc (18,24,30)**

*Điều kiện tiên quyết:* Phong cách học tiếng Việt

Cung cấp những tri thức cơ bản như phân vùng phương ngữ và miêu tả các đặc điểm căn bản của các phương ngữ, phương ngữ và lịch sử ngôn ngữ dân tộc, phương ngữ và chuẩn ngôn ngữ, chuẩn hoá tiếng Việt

Học phân cũng huấn luyện những thao tác cụ thể như lập bảng hỏi, chọn nghiệm chứng viên, lập bản đồ...để phân tích, nghiên cứu những vấn đề thực tiễn của phương ngữ tiếng Việt.

Tiếng Việt là phương tiện giao tiếp chung, nhưng do những điều kiện tự nhiên, xã hội nhất định mà giữa các vùng trong một quốc gia, khu vực, địa phương có những cách phát âm khác nhau tạo nên lớp từ ngữ mang tính địa phương. Tuy vậy phương ngữ không làm cản trở việc giao tiếp mà còn tăng hiệu quả giao tiếp, vì thế phương ngữ được toàn dân chấp nhận. Học phân sẽ trang bị cho SV phương pháp và những thao tác, kỹ năng nghiên cứu phương ngữ, thực hành nghiên cứu phương ngữ để có dịp tiếp xúc giao tiếp và hiểu sâu thêm về phương ngữ trên mọi miền đất nước.

#### **9.43. Ngữ dụng học/ Linguistic pragmatics 2tc (18,24,0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Phong cách học tiếng Việt

Cung cấp những tri thức căn bản như: lý thuyết hành vi ngôn ngữ, lý thuyết hội thoại, lý thuyết lập luận, ý nghĩa tường minh và ý nghĩa hàm ẩn, các loại ý nghĩa trong một phát ngôn, tiền giả định, hàm ý ngôn ngữ và hàm ý hội thoại, ngôn ngữ và văn hoá giao tiếp...

Học phân cũng huấn luyện những thao tác căn bản trong nghiên cứu và phân tích ngôn ngữ từ cách tiếp cận của môn học này với bộ khái niệm cập nhật về ngữ nghĩa học và ngữ dụng.

**9.44. Các ngôn ngữ dân tộc thiểu số ở Việt Nam/Minorities languages in Vietnam** **2tc (18,24,0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Đại cương về ngôn ngữ học

Cung cấp cho sinh viên những tri thức căn bản về bức tranh phân bố và bối cảnh địa lý- xã hội của ngôn ngữ các dân tộc ở Việt Nam, các nhóm ngôn ngữ xét theo quan hệ cội

nguồn, các xu hướng, quá trình biến đổi của một số ngôn ngữ, nhóm ngôn ngữ, vấn đề song ngữ, xây dựng chính sách ngôn ngữ ở nước ta.

**Từ 9.45 đến 9.46: các HP tự chọn, chọn 2 trên tổng số 6 HP**

**a. Nho giáo và văn học dân tộc/Confucianism & Vietnamese literature** **2tc (18,24,0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Văn học VN trung đại

Cung cấp cho sinh viên những tri thức căn bản về sự phát triển của hệ tư tưởng nho giáo; sự ảnh hưởng của hệ tư tưởng nho giáo trong tư tưởng và đời sống xã hội Việt Nam; sự ảnh hưởng của hệ tư tưởng nho giáo trong văn học Việt Nam trên các phương diện: thế giới quan nhà văn, quan niệm về thẩm mỹ, tư duy nghệ thuật, thể tài.....

**b. Truyện ngắn Việt Nam hiện đại/Modern Short Stories 2tc (18,24,0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Văn học VN hiện đại

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự vận động và quy luật phát triển của truyện ngắn Việt Nam từ 1945 đến 1975 qua các chặng 1945- 1954; 1955 - 1964; 1965 - 1975: đặc điểm truyện ngắn Việt Nam giai đoạn 1945 -1954; đặc điểm truyện ngắn Việt Nam giai đoạn 1955 -1964; đặc điểm truyện ngắn Việt Nam giai đoạn 1965 -1975

**c. Thi pháp thơ Đường/ Prosody of Duong poem** **2tc (18,24,0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Văn học Trung Quốc

Trình bày nguyên nhân hưng thịnh và những tiền đề của thi pháp thơ Đường; những đặc điểm thi pháp cơ bản của thơ Đường: quan niệm nghệ thuật về con người, không gian nghệ thuật, thời gian nghệ thuật, thể loại và ngôn ngữ thơ. Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu, thảo luận để lý giải một số biểu hiện cụ thể về thi pháp của thơ Đường.

**d. Chủ nghĩa nhân văn trong văn học phương Tây thời Phục hưng/Humanism in Occidental Renaissance literature** **2 tc (18,24,0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Văn học phương Tây

Giới thiệu khái niệm chủ nghĩa nhân văn; trình bày quá trình phát triển của chủ nghĩa nhân văn trong văn học phương Tây qua các giai đoạn khác nhau: thời cổ đại Hy Lạp với những giá trị văn hoá tinh thần một đi không trở lại của nhân loại,

đến thời Phục hưng với việc đề cao lý trí, đề cao tự nhiên và đề cao con người, ngoài những đóng góp

nhất định đã rơi vào chủ nghĩa không tưởng, từ thế kỷ XVIII trở đi đã từng bước gắn liền với cuộc đấu tranh giải phóng con người về mọi phương diện.

**e. Lịch sử tiếng Việt/ History of Vietnamese 2tc (18,24,0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Các HP tiếng Việt

Cung cấp cho sinh viên những vấn đề cơ bản về lịch sử tiếng Việt bao gồm: vị trí của tiếng Việt trong khu vực Đông Nam Á; các vấn đề về nguồn gốc tiếng Việt; các giai đoạn lịch sử trong quá trình phát triển của tiếng Việt và những vấn đề văn hoá gắn liền với lịch sử tiếng Việt.

**g. Phương ngữ Thanh Hoá/Thanh Hoa dialect 2tc (18,24,0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Phương ngữ học tiếng Việt

Cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản như phân vùng phương ngữ ở Thanh Hoá và miêu tả các đặc điểm căn bản của các phương ngữ ở Thanh Hoá; phương ngữ Thanh Hoá và lịch sử ngôn ngữ dân tộc.

**9.47. Thục tập tốt nghiệp/Graduate praltice 5tc**

Sinh viên vận dụng những kiến thức ngành đã được học để thực hành, thực tập nghiên cứu một vấn đề có liên quan đến ngành đào tạo (nghiên cứu văn học, văn hoá, ngôn ngữ, các hoạt động trong lĩnh vực biên tập, báo chí, phát thanh, truyền hình, sưu tầm nghiên cứu bảo tồn di sản văn học, văn hoá dân tộc...).

**9.48. Các học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp**

**1. Mối quan hệ giữa văn học dân gian và văn học viết/Relations between Vietnamese Folk literature and Vietnamese national literature 3 tc (27,36,0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Văn học dân gian VN, Văn học VN trung đại, Văn học VN hiện đại

Cung cấp những cơ sở lý luận về mối quan hệ giữa văn học dân gian với văn học viết; nhìn nhận một cách có hệ thống về sự ảnh hưởng, tác động qua lại giữa văn học dân gian với văn học viết qua một số thể loại và một số tác gia tiêu biểu; góp phần hình thành phương pháp so sánh giữa hai bộ phận văn học có quan hệ chi phối và xác định lẫn nhau trong quá trình phát triển.

**2.Thành ngữ học và thành ngữ tiếng Việt/Proverbs Studies & Vietnamese proverbs 3tc (27,36,0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Các HP tiếng Việt

Cung cấp những vấn đề cơ bản của thành ngữ nhìn ở góc độ nghiên cứu ngôn ngữ học: xác định khái niệm (phân biệt thành ngữ với tục ngữ), hình thức diễn đạt, chức năng, cơ cấu ngữ nghĩa của thành ngữ; sự vận dụng thành ngữ trong thực tiễn giao tiếp.

**10. Đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình**

<b>TT</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Khoa, Bộ môn giảng dạy</b>
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa MácLê -Nin	Khoa LLCT
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Khoa LL CT
3	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản VN	Khoa LL CT
4	Tiếng Anh 1	Khoa Ngoại ngữ
5	Tiếng Anh 2	Khoa Ngoại ngữ
6	Giáo dục thể chất	Khoa GDTC
7	Giáo dục quốc phòng	Trung tâm GDQP
8	Phương pháp nghiên cứu KH	BM Ngôn ngữ &PPDHNV
9	Tin học	Khoa KTCN
10	Môi trường và con người	Bộ môn Địa lý
11	Thống kê xã hội	Bộ môn Địa lý
12	Pháp luật đại cương	Khoa LL CT
13	Mỹ học đại cương	Bộ môn LLVH & VHNN
14	Nhập môn KH giao tiếp	Bộ môn Văn học Việt Nam
15	Lịch sử tư tưởng phương Đông và VN	Bộ môn Lịch sử
16	Thể chế chính trị thế giới hiện đại	Bộ môn Lịch sử
17	Dân tộc học đại cương	Bộ môn Lịch sử
18	Kinh tế học phát triển	Bộ môn Địa lý
19	Nhập môn khu vực học	Bộ môn Lịch sử
20	Kiến thức địa phương Thanh Hoá	BM Địa lý, Lịch sử, VHVN, NN &PPDHNV, LLVH&VHNN
21	Tâm lý học đại cương	BM TL GD
22	Lôgic học đại cương	Bộ môn LLVH & VHNN
23	Xã hội học đại cương	BM Ngôn ngữ &PPDHNV
24	Cơ sở văn hoá Việt Nam	Bộ môn Văn học Việt Nam
25	Hán văn cơ sở	Bộ môn Văn học Việt Nam
26	Chữ Nôm	Bộ môn Văn học Việt Nam
27	Thực hành văn bản tiếng Việt	BM Ngôn ngữ &PPDHNV
28	Nguyên lý lý luận văn học	Bộ môn LLVH & VHNN
29	Tác phẩm văn học và Loại thể văn học	Bộ môn LLVH & VHNN
30	Tiến trình văn học	Bộ môn LLVH & VHNN
31	Văn học dân gian VN và thực tế sưu tầm nghiên cứu VHDG	Bộ môn Văn học Việt Nam

32	Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến giữa thế kỷ XVIII	Bộ môn Văn học Việt Nam
33	Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX	Bộ môn Văn học Việt Nam
34	Văn học Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến 1945	Bộ môn Văn học Việt Nam
29	Văn học Việt Nam từ 1945 đến 1975	Bộ môn Văn học Việt Nam
35	Văn học Việt Nam sau 1975	Bộ môn Văn học Việt Nam
36	Văn học Trung Quốc	Bộ môn LLVH & VHNN
37	Văn học Ấn Độ, Nhật Bản, Đông Nam Á	Bộ môn LLVH & VHNN
38	Văn học phương Tây	Bộ môn LLVH & VHNN
39	Văn học Nga	Bộ môn LLVH & VHNN
40	Đại cương về ngôn ngữ học	BM Ngôn ngữ & PPDHNV
41	Ngữ âm học tiếng Việt	BM Ngôn ngữ & PPDHNV
42	Từ vựng học và ngữ nghĩa học tiếng Việt	BM Ngôn ngữ & PPDHNV
43	Ngữ pháp học tiếng Việt	BM Ngôn ngữ & PPDHNV
44	Phong cách học tiếng Việt	BM Ngôn ngữ & PPDHNV
45	Phương ngữ học tiếng Việt và thực tế nghiên cứu ngôn ngữ	BM Ngôn ngữ & PPDHNV
46	Ngữ dụng học	BM Ngôn ngữ & PPDHNV
47	Các ngôn ngữ dân tộc thiểu số ở Việt Nam	BM Ngôn ngữ & PPDHNV
48	Lý thuyết văn bản	BM Ngôn ngữ & PPDHNV
49	Nho giáo và văn học dân tộc	Bộ môn Văn học Việt Nam
50	Truyện ngắn Việt Nam hiện đại	Bộ môn Văn học Việt Nam
51	Thi pháp thơ Đường	Bộ môn LLVH & VHNN
52	Chủ nghĩa nhân văn trong VH phương Tây thời Phục hưng	Bộ môn LLVH & VHNN
53	Lịch sử tiếng Việt	BM Ngôn ngữ & PPDHNV
54	Phương ngữ Thanh Hoá	BM Ngôn ngữ & PPDHNV
55	Thực tập tốt nghiệp	Khoa KHXH
56	Khoá luận tốt nghiệp	Khoa KHXH
57	Mối quan hệ giữa văn học dân gian và VH viết	Bộ môn Văn học Việt Nam
58	Thành ngữ học và thành ngữ tiếng Việt	BM Ngôn ngữ & PPDHNV

## 11. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy và học tập

### 11.1. Trang thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập

- Trung tâm Thông tin tư liệu- thư viện
- Trung tâm KLF
- Phòng thực hành
- Hệ thống giảng đường, phòng học lớn có trang bị máy Pojecter, máy chiếu

Overheat, mic không dây..

### **11.2. Danh mục giáo trình, tài liệu tham khảo**

STT	Tên học phần	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo
1	Phương pháp nghiên cứu khoa học	1) Phạm Viết Vượng, <i>Phương pháp luận nghiên cứu khoa học</i> , Nxb ĐH QG, H., 2006. 2) Vũ Cao Đàm, <i>Phương pháp luận nghiên cứu khoa học</i> , Nxb KH & KT, H., 1998.
2	Thống kê xã hội	1) Hà Văn Sơn, <i>Giáo trình Lý thuyết thống kê</i> , Nxb Thống kê, 2004
3	Mỹ học đại cương	1) Lê Văn Dương, Lê Đình Lục, Lê Hồng Vân, <i>Mỹ học đại cương</i> , Nxb Giáo dục, H., 1999. 2) Đỗ Văn Khang, Đỗ Huy, <i>Mỹ học Mác- Lênin</i> , Nxb ĐH & THCN., 1985.
4	Nhập môn khoa học giao tiếp	1) Nguyễn Văn Lê, <i>Nhập môn khoa học giao tiếp</i> , Nxb GD, H., 2004. 2) Nguyễn Sinh Huy, <i>Nhập môn khoa học giao tiếp</i> , Nxb GD, H., 2005.
5	Kinh tế học phát triển	1) Phan Thúc Huân, <i>Kinh tế phát triển</i> , Nxb Thống kê, 2006
6	Môi trường và con người	1) Mai Đình Yên, <i>Môi trường và con người</i> , Nxb Giáo dục, 2005 2) Lưu Đức Hải, <i>Cơ sở khoa học môi trường</i> , Nxb ĐHQG, 2005
7	Lịch sử tư tưởng phương Đông và VN	1) Nguyễn Tài Thư (chủ biên), <i>Lịch sử tư tưởng Việt Nam</i> , tập 1, Nxb KHXH, H., 1993. 2) Nguyễn Gia Phú, <i>Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam</i> , ĐH tổng hợp TP HCM, 1996 3) Đàm Gia Kiện, <i>Lịch sử văn hoá Trung Quốc</i> , Nxb KHXH, H., 1993. 4) <i>Lịch sử tư tưởng Việt Nam</i> , 2 tập, Trung tâm KHXH&NV Quốc gia, Nxb CTQG, H., 2002.
8	Thể chế chính trị thế giới hiện đại	1) <i>Thể chế chính trị thế giới đương đại</i> , Học viện chính trị Quốc gia HCM, Nxb CTQG, H., 2003. 2) Chu Dương, <i>Thể chế nhà nước của các quốc gia trên thế giới</i> , Nxb Tư pháp, H., 2005.
9	Dân tộc học đại cương	1) Phan Hữu Dật, <i>Cơ sở dân tộc học</i> , ĐH tổng hợp Hà Nội, 1973 2) Lê Sỹ Giáo, <i>Dân tộc học đại cương</i> , Nxb Giáo dục, H., 1995.
10	Nhập môn khu vực học	1) Matsuba ra, <i>Area Study anh Inter-Area Study</i> , Osaks, 1998 2) Sheri H.Ranis, <i>Area based Knowledge anh Social Sciences</i> . Neww York, 1995
11	Kiến thức địa phương Thanh Hoá	1) Lê Huynh, <i>Nghiên cứu địa lý địa phương</i> , ĐHSP Hà Nội, 1992 2) <i>Địa chí Thanh Hoá</i> , tập 2, Nxb KHXH, H., 2004

12	Lôgic học đại cương	1) Vương Tất Đạt, <i>Lôgic học đại cương</i> , Nxb ĐHQG, 2007. 2) Nguyễn Như Hải, <i>Giáo trình Lôgic học đại cương</i> , Nxb Giáo dục, 2007.
13	Xã hội học đại cương	1) G.Endrweit, G.Trommsdoff, Từ điển Xã hội học, Nxb Thế giới, 2002 2) Phạm Tất Dong, Lê Ngọc Hùng, <i>Xã hội học đại cương</i> , Nxb ĐHQG, H, 2001. 3) Nguyễn Sinh Huy, <i>Xã hội học đại cương</i> , Nxb ĐHQG, H, 2002.
14	Cơ sở văn hoá Việt Nam	1) Trần Ngọc Thêm, <i>Cơ sở văn hoá Việt Nam</i> , Nxb Giáo dục, H., 1999. 2) Trần Quốc Vượng, <i>Cơ sở văn hoá Việt Nam</i> , Nxb Giáo dục, H., 1999.
15	Hán văn cơ sở	1) Đặng Đức Siêu, <i>Ngữ văn Hán Nôm</i> , Nxb Giáo dục, H., 1995. 2) Đặng Đức Siêu, Nguyễn Ngọc San, <i>Ngữ văn Hán Nôm</i> , Nxb Giáo dục, H., 1995.
16	Chữ Nôm	1) Nguyễn tài Cẩn, <i>Một số vấn đề về chữ Nôm</i> , Nxb ĐH&THCN, 1985. 2) Đặng Đức Siêu, <i>Giáo trình Ngữ văn Hán Nôm</i> , Nxb Giáo dục, 1998.
17	Thực hành văn bản tiếng Việt	1) Lê A, Bùi Minh Toán, Nguyễn Việt Hùng, <i>Tiếng Việt thực hành</i> , Nxb Giáo dục, H., 1996. 2) Diệp Quang Ban, <i>Ngữ pháp văn bản</i> , Nxb Giáo dục, H., 1996.
18	Nguyên lý lý luận văn học	1) Phương Lựu (chủ biên), <i>Lý luận văn học</i> , tập 1, Nxb Giáo dục, H., 2002. 2) Hà Minh Đức (chủ biên), <i>Lý luận văn học</i> , Nxb Giáo dục, H., 1999.
19	Tác phẩm văn học và Loại thể văn học	1) Trần Đình Sử (chủ biên), <i>Lý luận văn học</i> , tập 2, Nxb ĐHSP, H., 2005. 2) Trần Đình Sử (chủ biên), <i>Lý luận văn học</i> , Nxb Giáo dục, H., 1989.
20	Tiến trình văn học	1) Phương Lựu (chủ biên), <i>Lý luận văn học</i> , tập 3, Nxb ĐHSP, H., 2005. 1) Hà Minh Đức (chủ biên), <i>Lý luận văn học</i> , Nxb Giáo dục, H, 1999.
21	Văn học dân gian VN và thực tế sưu tầm nghiên cứu VHDG	1) Đinh Gia Khánh (chủ biên), <i>Văn học dân gian Việt Nam</i> , Nxb Giáo dục, H., 1996 . 2) Lê Chí Quế (chủ biên), <i>Văn học dân gian Việt Nam</i> , Nxb ĐH & GDCN, 1990.
22	Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến giữa thế kỷ XVIII	1) Đinh Gia Khánh (chủ biên) <i>Văn học Việt Nam từ thế kỷ X - XVII</i> , Nxb Giáo dục, H., 1997. 2) Bùi Văn Nguyên, <i>Lịch sử văn học Việt Nam</i> , tập 2, Nxb Giáo dục, H., 1998 3) Trần Quang Dũng, <i>Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XI X</i>
23	Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX	1) Nguyễn Lộc, <i>Văn học Việt Nam (Nửa cuối thế kỷ XVIII, nửa đầu thế kỷ XIX)</i> , Nxb Giáo dục, H., 1999. 2) Nguyễn Lộc, <i>Văn học Việt Nam nửa sau thế kỷ XIX</i> , Nxb ĐH&THCN, H., 1978 3) Văn học Việt Nam từ thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XI X, ĐPSP, Nxb GD, H.,
24	Văn học Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến 1945	1) Phan Cự Đệ (chủ biên), <i>Văn học Việt Nam 1900 -1945</i> Nxb Giáo dục, H., 2000.

		<p>2) Trần Đình Hượu (chủ biên), <i>Văn học Việt Nam giai đoạn giao thời</i>, Nxb Giáo dục, H., 1988.</p> <p>3) Nguyễn Đăng Mạnh, <i>Giáo trình văn học Việt Nam 1930-1945</i>, Nxb ĐHSP Hà Nội, 1995.</p>
25	Văn học Việt Nam từ 1945 đến 1975	<p>1) Nguyễn Đăng Mạnh (chủ biên), <i>Lịch sử văn học Việt Nam</i>, tập 1,2,3, Nxb ĐHSP Hà Nội, 2004.</p> <p>2) Nhiều tác giả, <i>Một thời đại văn học mới</i> (Tài liệu tham khảo), Nxb Văn học, 1987.</p>
26	Văn học Việt Nam sau 1975	<p>1) Nguyễn Văn Long, Lã Nhâm Thìn, <i>Văn học Việt Nam sau 1975 nghiên cứu và giảng dạy</i>, Nxb Giáo dục, 2007.</p> <p>2) Phan Cự Đệ (chủ biên), <i>Văn học Việt Nam thế kỷ XX</i>, Nxb Giáo dục, H., 2004.</p>
27	Văn học Trung Quốc	<p>1) Trương Chính, Nguyễn Khắc Phi, Lương Duy Thứ, <i>Văn học Trung Quốc</i>, Nxb Giáo dục, H., 1998.</p> <p>2) Trần Xuân Đề, <i>Lịch sử văn học Trung Quốc Về những tác gia và tác phẩm tiêu biểu</i>, Nxb Giáo dục, 2002.</p> <p>3) Dư Quan Anh, Tiền Chung Thư, Phạm Ninh (chủ biên), (Nhiều người dịch), <i>Lịch sử văn học Trung Quốc</i>, Nxb Giáo dục, H., tái bản, tập 1, 1998, tập 2, 1997.</p> <p>4) Đường Thao (chủ biên), (Nhiều người dịch), <i>Lịch sử văn học Trung Quốc hiện đại</i>, Nxb Giáo dục, H., tập 1, 1999, tập 2, 2000.</p>
28	Văn học Ấn Độ, Nhật Bản, Đông Nam Á	<p>1) Phan Nhật Chiêu, <i>Văn học Nhật Bản</i>, Nxb Giáo dục, H., 2003.</p> <p>2) Đức Ninh (chủ biên), <i>Văn học các nước Đông Nam Á</i>, Nxb ĐHQG, H., 2002.</p> <p>3) Lưu Đức Trung, <i>Văn học Ấn Độ</i>, Nxb Giáo dục, 2000.</p>
29	Văn học phương Tây	<p>1) Phùng Văn Tửu, <i>Giáo trình Văn học phương Tây</i>, Nxb Giáo dục, H., 1997.</p> <p>2) Nhiều tác giả, <i>Văn học phương Tây</i>, Nxb Giáo dục, H., 2002.</p> <p>3) Nhiều tác giả, <i>Lịch sử Văn học Pháp</i>, 3 tập, Nxb Đại học Quốc gia, H., 2005.</p>
30	Văn học Nga	<p>1) Đỗ Hồng Chung, Nguyễn Hải Hà, Nguyễn Trường Lịch, <i>Lịch sử văn học Nga, tập 1</i>, Nxb Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp, H., 1992.</p> <p>2) Nguyễn Trường Lịch, Nguyễn Kim Đính, Đỗ Hồng Chung, <i>Lịch sử văn học Nga, tập 2</i>, Nxb Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp, H., 1990.</p> <p>3) Nguyễn Kim Đính, Hoàng Ngọc Hiến, Huy Liên, <i>Lịch sử văn học Xô Viết</i>, Nxb Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp, H., tập 1, 1992, tập 2, 1995.</p>
31	Đại cương về ngôn ngữ học	<p>1) Đỗ Hữu Châu, Bùi Minh Toán, <i>Đại cương ngôn ngữ học</i>, tập 1, 2, Nxb Giáo dục, H., 2001.</p> <p>2) Mai Ngọc Chừ, Vũ Đức Nghiệu, Hoàng Trọng Phiến, <i>Cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt</i>, Nxb GD, H., 1997.</p> <p>3) Nguyễn Thiện Giáp (chủ biên), Đoàn Thiện Thuật, Nguyễn Minh Thuyết, <i>Dẫn luận ngôn ngữ học</i>, Nxb Giáo dục, H., 1994.</p> <p>4) F.desaussureu, <i>Giáo trình ngôn ngữ đại cương</i>, Nxb KHXH, 1973.</p> <p>5) Ju.X.tepanov, <i>Những cơ sở của ngôn ngữ học đại cương</i>, Nxb ĐH &amp; THCN, H., 1997.</p> <p>6) Iu.V.Rozdextvenxki, <i>Những bài giảng ngôn ngữ học đại cương</i>, Nxb Giáo dục, H., 1997.</p>



32	Ngữ âm học tiếng Việt	1) Đoàn Thiện Thuật, <i>Ngữ Âm học tiếng Việt</i> , Nxb ĐHQG, H., 1998. 2) Bùi Minh Toán, Đặng Thị Lanh, <i>Tiếng Việt đại cương - Ngữ âm</i> (Giáo trình CĐSP), Nxb ĐHSP Hà Nội, 2001.
33	Từ vựng và Ngữ nghĩa học tiếng Việt	1) Đỗ Hữu Châu, <i>Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt</i> , Nxb Giáo dục, H., 1981. 2) Đỗ Hữu Châu, <i>Các bình diện từ và từ tiếng Việt</i> , Nxb KHXH, H., 1981. 3) Nguyễn Văn Tu, <i>Từ và vốn từ tiếng Việt hiện đại</i> , Nxb Giáo dục, H., 1976. 4) Johnlyons, <i>Nhập môn ngôn ngữ học lý thuyết</i> , Nxb KHXH, H., 1996. 5) Đỗ Hữu Châu, <i>Cơ sở ngữ nghĩa học từ vựng</i> , Nxb ĐH & THCN, H., 1988.
34	Ngữ pháp học tiếng Việt	1) Diệp Quang Ban, <i>Ngữ pháp học tiếng Việt</i> , tập 1, 2, Nxb Giáo dục, H., 2004, 2) Nguyễn Tài Cẩn, <i>Ngữ pháp học tiếng Việt: Tiếng - từ - đoản ngữ</i> , Nxb ĐH & THCN, H., 1975, 3) Đinh Văn Đức, <i>Ngữ pháp tiếng Việt: từ loại</i> , Nxb ĐH & THCN, H., 1986, 4) Hoàng Trọng Phiến, <i>Ngữ pháp tiếng Việt: câu</i> , Nxb ĐH & THCN, H., 1980.
35	Phong cách học tiếng Việt	1) Đinh Trọng Lạc, Nguyễn Thái Hoà, <i>Phong cách học tiếng Việt</i> , Nxb Giáo dục, H., 1998. 2) Nguyễn Thái Hoà, <i>Phân loại từ ngữ theo quan điểm phong cách chức năng</i> , Nxb KHXH, H., 1998.
36	Phương ngữ học tiếng Việt và thực tế nghiên cứu ngôn ngữ	1) Hoàng Thị Châu, <i>Phương ngữ tiếng Việt</i> , Nxb Giáo dục, H., 2004. 2) Hoàng Thị Châu, <i>Tiếng Việt trên khắp mọi miền đất nước</i> , Nxb Giáo dục, H., 1995.
37	Ngữ dụng học	1) Nguyễn Đức Dân, <i>Ngữ dụng học</i> , Nxb Giáo dục, H., 2001. 2) Đỗ Hữu Châu, Bùi Minh Toán, <i>Đại cương ngôn ngữ học</i> , tập 2, Nxb Giáo dục, H., 2001.
38	Các ngôn ngữ dân tộc thiểu số ở Việt Nam	1) Trần Trí Dõi, <i>Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam</i> , Nxb ĐHQG, H., 2001.
39	Lý thuyết văn bản	1) Trần Ngọc Thêm, <i>Hệ thống liên kết văn bản tiếng Việt</i> , Nxb Giáo dục, H., 2000. 2) Diệp Quang Ban, <i>Văn bản và liên kết trong tiếng Việt</i> , Nxb Giáo dục, H., 1999. 3) Diệp Quang Ban, <i>Ngữ pháp văn bản</i> , Nxb Giáo dục, H., 1996.
40	Nho giáo và văn học dân tộc	1) Trần Đình Hượu, <i>Nho giáo và văn học Việt Nam trung cận đại</i> , Nxb Giáo dục, H., 2000. 2) Lê Trí Viễn, <i>Đặc trưng văn học Việt Nam trung đại</i> , Nxb KHXH, H., 1996.
41	Truyện ngắn Việt Nam hiện đại	2) Phan Cự Đệ (chủ biên), <i>Văn học Việt Nam thế kỷ XX</i> , Nxb Giáo dục, H., 2004. 2) Bùi Việt Thắng, <i>Truyện ngắn, những vấn đề lý thuyết và thực tiễn thể loại</i> , Nxb Hội Nhà văn, 2006 3) Hoả Diệu Thuý, <i>Truyện ngắn Việt Nam hiện đại giai đoạn 1945-1975</i> , Nxb Hội Nhà văn, 2007
42	Thi pháp thơ Đường	1) Nguyễn Thị Bích Hải, <i>Thi pháp thơ Đường</i> , Nxb Thuận Huế, 1997. 2) Nguyễn Khắc Phi, Trần Đình Sử, <i>Về thi pháp thơ Đường</i> , Nxb

		Đà Nẵng, 1997.
43	Chủ nghĩa nhân văn trong văn học phương Tây thời Phục hưng	1) Nhiều tác giả, <i>Văn học phương Tây</i> , Nxb Giáo dục, H., 2002. 2) Phùng Văn Tửu, <i>Văn học phương Tây</i> (Tư liệu tham khảo), Nxb Giáo dục, H., 1999.
44	Lịch sử tiếng Việt	1) Nguyễn Ngọc san, <i>Tìm hiểu về tiếng Việt lịch sử</i> , Nxb Giáo dục, 1993. 2) Hoàng Tiến, <i>Chữ quốc ngữ và cuộc cách mạng chữ viết đầu thế kỷ XX</i> , Nxb Thanh niên, 2002.
45	Phương ngữ Thanh Hoá	* Chưa có giáo trình 1) <i>Địa chí Thanh Hoá, tập 2</i> , Nxb KHXH, 2004 2) Lê Xuân Soan, <i>Khảo sát phương ngữ Thanh Hoá</i> , Đề tài nghiên cứu khoa học, Trường ĐH Hồng Đức, 2004
46	Mối quan hệ giữa văn học dân gian và văn học viết	* Chưa có giáo trình 1) Nguyễn Đình Chú, <i>Để tiến tới xác định rõ ràng hơn nữa vai trò làm nền của văn học dân gian trong lịch sử văn học dân tộc</i> , TCVH, 1980, số 5, tr. 86. 2) Chu Xuân Diên, <i>Nhà văn và sáng tác dân gian</i> , TCVH, 1966, số 1, tr.13 3) Đinh Gia Khánh, <i>Nhà nho xưa tìm hiểu truyện dân gian và ca dao, tục ngữ</i> , TCVH, 1972, số 2, tr 3. 4) Lê Kinh Khiên, <i>Một số vấn đề lý thuyết chung về mối quan hệ văn học dân gian - văn học viết</i> , TCVH, 1980, số 1, tr.69. 5) Đặng Thanh Lê, <i>Từ một kiệt tác văn học, suy nghĩ về mối quan hệ ảnh hưởng giữa văn học dân gian và văn học viết</i> , TCVH, 1982, số 1, tr 47. 6) Trần Đình Sử, <i>Mấy vấn đề thi pháp văn học trung đại Việt Nam</i> , Nxb Giáo dục, H, 1999. 7) Đỗ Bình Trị, <i>Mấy ý kiến về vấn đề nghiên cứu mối quan hệ giữa văn học với văn học dân gian</i> , TCVH, 1989, số 1, tr 51. 8) Nhiều tác giả, <i>Văn hoá dân gian - những phương pháp nghiên cứu</i> , Nxb KHXH, H, 1990.
47	Thành ngữ học và thành ngữ tiếng Việt	* Chưa có giáo trình 1) Nguyễn Lực, <i>Thành ngữ tiếng Việt</i> , Nxb Thanh niên, 2002 2) Hoàng Văn Hành, <i>Về bản chất của thành ngữ so sánh trong tiếng Việt</i> , Ngôn ngữ, số 1, 1976

## 12. Hướng dân thực hiện chương trình

- Chương trình Đại học Ngữ văn được xây dựng trên cơ sở chương trình khung giáo dục đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 01/2005/QĐ-BGDĐT, ngày 12 tháng 01 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo; và các quy định xây dựng chương trình chuyển đổi từ niên chế HP sang học chế tín chỉ của trường ĐH Hồng Đức và tham khảo các chương trình cùng ngành của các trường ĐH trong và ngoài nước.

- Khối lượng chương trình gồm 120 tín chỉ (chưa kể phần nội dung giáo dục thể chất 75 tiết và Giáo dục quốc phòng 165 tiết, được thiết kế theo 4 năm học. Chương trình đại học Ngữ văn gồm các học phần theo chương trình khung và các

học phân tự chọn theo hướng chuyên ngành nhằm giúp người học có khả năng tác nghiệp rộng rãi sau khi học xong chương trình.

- Chương trình đào tạo ngành là cơ sở giúp Hiệu trưởng quản lý chất lượng đào tạo đại học, là quy định bắt buộc đối với tất cả các khoa chuyên môn nghiêm túc thực hiện theo đúng nội dung chương trình đã xây dựng.

- Căn cứ chương trình đào tạo ngành, Trưởng các khoa chuyên môn có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn các bộ môn tiến hành xây dựng đề cương chi tiết học phần và hồ sơ học phần theo quy định của Trường sao cho vừa đảm bảo được mục tiêu, nội dung, yêu cầu đề ra, vừa đảm bảo phù hợp với điều kiện cụ thể nhà trường, của địa phương, đáp ứng được nhu cầu của người học và của toàn xã hội. Trên cơ sở đề cương chi tiết học phần, tiến hành xây dựng kế hoạch chi phí thực hành, thực tập, tham quan thực tế và mua sắm bổ sung các trang thiết bị, máy móc, hoá chất, dụng cụ thí nghiệm chi tiết cho từng học phần và cho toàn khoá đào tạo.

- Trưởng các khoa chuyên môn chịu trách nhiệm về nội dung và ký xác nhận đề cương chi tiết học phần, kế hoạch kinh phí thực hành, thực tập, tham quan thực tế. Trưởng các phòng, Ban chức năng có liên quan (Đào tạo, QLKH&HTQT, KH-TC, Quản trị vật tư, thiết bị...) có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định và trình Hiệu trưởng phê duyệt cho triển khai thực hiện.

- Nếu chương trình này áp dụng cho đào tạo hệ vừa làm vừa học thì không tổ chức giảng dạy môn Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng; thời gian đào tạo có thể kéo dài từ nửa năm đến một năm (tuỳ theo kế hoạch sắp xếp thời gian).

- Trong quá trình thực hiện chương trình, hàng năm nếu Khoa/Bộ môn thấy cần phải điều chỉnh cho phù hợp với thực tế, làm văn bản trình lên Hội đồng Khoa học và Đào tạo trường xem xét. Nếu thấy hợp lý Hội đồng Khoa học và Đào tạo trình Hiệu trưởng quyết định điều chỉnh và chỉ được điều chỉnh khi có Quyết định của Hiệu trưởng./.

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**TS. Lê Văn Trường**